



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

**TÀI LIỆU PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Vũng Tàu, ngày ... tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

STT	Nội dung
	– Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Phần I	Quy chế làm việc và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
Phần II	Các báo cáo thông qua Đại hội
	– Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 (chiếu clip) và giai đoạn 2013 ÷ 2018 Kế hoạch SXKD năm 2018 và định hướng phát triển giai đoạn 2013 ÷ 2018
	– Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017 Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018
	– Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2018 Kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023
	– Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018 Kế hoạch hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.
Phần III	Các tờ trình thông qua Đại hội
	– Tờ trình đề xuất tổng mức thù lao HĐQT và BKS năm 2018
	– Tờ trình lựa chọn tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính 2018.
	– Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định mới của Nhà nước
	– Tờ trình Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
	– Tờ trình về việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023
Phần IV	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Phần V	Các tài liệu khác liên quan
	– Dự thảo điều lệ
	– Bảng so sánh Điều lệ cũ và mới
	– Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
	– Thông báo mời họp
	– Ủy quyền tham dự Đại hội
	– Các hồ sơ liên quan đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

1. Thời gian : Từ 08h00 thứ bảy, ngày 07 tháng 04 năm 2018

2. Địa điểm : Trụ sở Công ty - Số 14, đường 30/4, phường 09, Tp. Vũng Tàu.

Thời gian	Nội dung
8h00 - 8h30	I. Phần thủ tục
	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu
8h30 - 8h45	II. Phần khai mạc
	<ul style="list-style-type: none"> - Khai mạc, giới thiệu thành phần tham dự - Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu và biểu quyết thông qua: <ul style="list-style-type: none"> + Đoàn chủ tịch + Thư ký Đại hội + Tổ Kiểm phiếu - Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS.
8h45 - 10h10	III. Nội dung báo cáo và các tờ trình
	<p>1. Báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và giai đoạn 2013 ÷ 2018 Kế hoạch SXKD năm 2018 và định hướng phát triển giai đoạn 2018 ÷ 2023 - Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2018 Kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 - Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017 Kế hoạch tài chính 2018 - Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018 Kế hoạch hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 - Báo cáo tổng mức thù lao HĐQT và BKS năm 2017. <p>2. Nội dung các tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc đề xuất tổng mức thù lao HĐQT và BKS năm 2018 - Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định mới của Nhà nước - Tờ trình về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc - Tờ trình về việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.
10h10 - 10h30	IV. Thảo luận và biểu quyết thông qua
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các ý kiến phát biểu của Cổ đông 2. Biểu quyết thông qua các nội dung <ul style="list-style-type: none"> - Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết
	V. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS
	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bầu cử thành viên HĐQT, BKS - Tiến hành bỏ phiếu



Thời gian	Nội dung
10h30 - 11h10	Nghỉ giải lao
11h10 - 11h30	VI. Phần bế mạc
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua biên bản kết quả kiểm phiếu - HDQT, BKS họp bầu các chức danh - HDQT, BKS ra mắt Đại hội và công bố các chức danh - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

PHẦN I
QUY CHẾ LÀM VIỆC
VÀ QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS CÔNG TY
NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Số: ...45.../CN

PHẦN I
QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
 - Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

Chương 1: Các quy định chung

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Quy chế quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Thuật ngữ/ Từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/ Người được ủy quyền tham dự Đại hội

- Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 06/03/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.
- Quyền của cổ đông/ đại diện khi tham dự Đại hội:



- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
- Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;
- Khi tham dự Đại hội mỗi Đại biểu được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và chương trình Đại hội khi đăng ký tham dự với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- Ăn mặc lịch sự khi tham gia Đại hội.
- Nội dung phát biểu phù hợp với chương trình Đại hội; đúng thời gian; thực hiện theo hướng dẫn và tuân thủ các quy định và sự điều khiển của Ban tổ chức và Chủ tọa nhằm đảm bảo Đại hội diễn ra đúng thời gian và đúng chương trình.

Điều 4. Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch:

- Điều khiển Đại hội theo chương trình và Quy chế đã được Đại hội thông qua. Hướng dẫn thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Đại biểu về các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 5. Trách nhiệm của Thư ký Đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các đại biểu thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội về các vấn đề sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Đọc và xin biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết về các nội dung báo cáo và tờ trình đã được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Tổ kiểm phiếu:

- Xác định kết quả biểu quyết của đại biểu về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Thư ký kết quả kiểm phiếu.

Chương II: Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 8. Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử

- Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.



- Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử được ghi mã số, họ tên, số CMND/CCCD, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện của cổ đông.

Điều 9. Phương thức thực biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và tờ trình tại Đại hội

- Việc biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và tờ trình tại Đại hội được thực hiện bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông (trừ các vấn đề được thông qua bằng phương thức bỏ phiếu kín) và được Chủ tọa công bố ngay tại Đại hội. Khi giơ thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ phải hướng về phía Đoàn Chủ tịch.
- Cổ đông biểu quyết cho từng nội dung thông qua bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 2 (hai) ô tương ứng với việc tán thành hoặc không tán thành ghi trong Thẻ biểu quyết. Đồng thời, ký và nộp lại Thẻ cho Ban tổ chức khi được yêu cầu.
- Biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý của 65% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Biểu quyết cho tờ trình bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu và được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

- Biên bản Đại hội được lập và ghi chép đầy đủ diễn biến, kết quả của Đại hội. Căn cứ kết quả tại Đại hội, thư ký chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Biên bản và Nghị quyết sẽ được công bố trước Đại hội và được ĐHDCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Đồng thời, Biên bản và Nghị quyết sẽ công bố thông tin theo đúng quy định của Nhà nước.
- Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội được lưu trữ tại Trụ sở Công ty.

Điều 11. Hiệu lực thi hành của Quy chế

- Quy chế này có hiệu lực ngay khi được ĐHDCĐ thường niên năm 2018 Công ty biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi ĐHDCĐ thường niên năm 2018 kết thúc.



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm kỳ 2018 – 2023)**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Điều 1. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên HĐQT:

- Số lượng : 09 người
- Nhiệm kỳ 05 (năm) năm : 2018 – 2023

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT:

Ứng viên tham gia HĐQT cần đáp ứng quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng thì có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một quy chế do Công ty quy định.



Điều 2. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Số lượng, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:

- Số lượng : 03 người
- Nhiệm kỳ 05 (năm) năm : 2018 – 2023

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát:

Ứng viên tham gia BKS cần đáp ứng quy định tại Điều 163, 164 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13:

- Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- Không phải là người có liên quan đến thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty.
- Các tiêu chí khác theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.
- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định.

Điều 3. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu thành viên HĐQT, BKS:

1. Hồ sơ:

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty và gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về trụ sở Công ty theo thời gian và địa chỉ nêu tại Khoản 2 Điều này. Hồ sơ ứng cử, đề cử được lập theo mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: www.bwaco.com.vn bao gồm:

- Đơn xin đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo quy chế này (theo mẫu).



Người đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

- Để tạo điều kiện cho Công ty tổ chức Đại hội và công bố thông tin theo quy định. Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện vui lòng gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS về Công ty trước 5 ngày làm việc tính từ ngày Đại hội bắt đầu khai mạc.
- Địa điểm nhận Hồ sơ:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu

Số 14, đường 30/4, phường 09, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254.359 59 59 – Fax: 0245.383 36 36

Điều 4. Phương thức bầu cử và phiếu bầu cử:

1. Phương thức : Bầu dồn đều.

- Khi cổ đông đồng ý bầu cho tất cả các ứng viên trong phiếu bầu thì *tổng số quyền bầu (*)* sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên. Trong trường hợp cổ đông không đồng ý bầu cho một hay một số ứng viên cụ thể nào thì cổ đông sẽ gạch tên ứng viên đó trong phiếu biểu quyết và tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên còn lại.

() Tổng số quyền bầu = Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện x Số thành viên được bầu tối đa.*

2. Phiếu bầu cử (phiếu bầu):

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu thành viên HĐQT và một phiếu bầu thành viên BKS.
- Trên phiếu có ghi Mã số Cổ đông; Cổ phần sở hữu, đại diện; Tổng số quyền được bầu cử.
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được kiểm tra, niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi phiếu bầu được bầu tối đa bằng số người cần bầu. Cụ thể phiếu bầu thành viên HĐQT được bầu tối đa 09 người. Phiếu bầu BKS được bầu tối đa là 03 người.

3. Phiếu bầu không hợp lệ: Các phiếu bầu sau đây sẽ được xem là không hợp lệ

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu bầu gạch hết tên các ứng viên.

4. Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- Việc kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử và tài liệu kiểm phiếu sẽ được Trưởng ban kiểm phiếu niêm phong lại sau khi kiểm và chỉ được mở ra kiểm tra khi có yêu cầu của Đại hội cổ đông của Công ty.

Điều 5. Nguyên tắc trúng cử:

- Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT, BKS được chọn theo số phiếu bầu từ cao đến thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định.
- Trường hợp có những ứng cử viên cùng đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì Đoàn chủ tịch sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu nhiệm kỳ 2018 – 2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐINH CHÍ ĐỨC





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

PHẦN II

CÁC BÁO CÁO THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 03 năm 2018

PHẦN II BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

1. Những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai kế hoạch năm 2017:

- Tình hình sản xuất nhìn chung ổn định, các chi phí đầu vào cho sản xuất như hóa chất, điện, xăng dầu, vật tư, thiết bị lắp đặt, tăng giá nhưng không nhiều, khoảng 3% ÷ 5%.
- Thời tiết lạnh và mưa nhiều trong năm 2017 khiến cho nhu cầu dùng nước giảm.
- Nhu cầu dùng nước của khối dịch vụ dầu khí giảm.
- Việc phát triển thêm đầu nối trên địa bàn đã có dấu hiệu bắt đầu bão hòa.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Kế hoạch	Thực hiện 2017	So sánh kế hoạch (%)	So sánh 2016 (%)
1	Nước máy sản xuất	1000 m ³	56.174	55.110	98,1	100,6
2	Nước máy thương phẩm	“	51.830	50.816	98,0	100,2
3	Tỷ lệ thất thoát	%	<8	7,59	-0,41	0,34
4	Số đầu nối mới	Đầu nối	8.000	6.984	87,3	87,0
5	Tổng số đầu nối đến 31/12/2017: 171.677					
6	Cổ tức	đ/CP	2.000	2.000	100	100
7	Nộp Ngân sách	tỷ đồng	79.000	84.370	106,8	112,3



Đánh giá kết quả SXKD

- Nước thương phẩm năm 2017 gần đạt kế hoạch do thời tiết lạnh, mưa nhiều khiến cho nhu cầu dùng nước giảm. Tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp < 8%.
- Số lượng đầu nổi mới giảm so với năm 2016 và có đầu hiệu bắt đầu bão hòa.

3. Tình hình thực hiện đầu tư:

- Hoạt động đầu tư năm 2017 chủ yếu tập trung vào cải tạo nâng công suất hệ thống cấp nước ở khu vực huyện Châu Đức và Xuyên Mộc. Hai công trình xử lý nước này đưa vào hoạt động đã gần 20 năm, sau nhiều lần cải tạo nâng công suất đến nay không đủ đáp ứng nhu cầu. Đến hết năm 2017, về cơ bản đã hoàn thành đầu tư các hạng mục chính của dây chuyền xử lý nước ở hai đơn vị này, đạt công suất sản xuất 5.000 m³/ngày ở Châu Đức và 5.000 m³/ngày ở Phước Bửu.
 - o Bình Châu: Xây mới trạm bơm, cải tạo bể lắng đứng lamen, thảm nhựa đường nội bộ.
 - o Phước Bửu: Lắp thêm ống nước thô D200; xây mới trạm bơm, nhà hóa chất, bể chứa 400 m³, bể lắng đạt CS xử lý 5.000 m³/ngày. Các hạng mục: 04 bể lọc, xử lý bùn, văn phòng, hàng rào, đường nội bộ... sẽ hoàn thành trong quý 1/2018.
 - o Châu Đức: Lắp thêm ống nước thô, nước sạch D300 dài 10,3 km, xây mới cụm xử lý đạt CS 5000 m³/ngày, bể chứa 400 m³. Các hạng mục; hệ thống xử lý bùn, nhà hóa chất, văn phòng, hàng rào, đường nội bộ... sẽ hoàn thành trong quý 1/2018.
- Ngoài việc đầu tư nâng công suất nhà máy, Công ty cũng thực hiện thay thế các tuyến ống gang xám cũ, chất lượng kém ở TP Vũng Tàu.
- Dự án tuyến ống D1200-1000 từ NM Hồ Đá Đen về Vũng Tàu và D600 từ Bà Rịa về Long Hải, Phước Tỉnh: Đã hoàn thành thiết kế, thẩm tra, đấu thầu mua sắm; Đang xin phép thi công. Dự án đang thực hiện đúng tiến độ.
- Hoàn thành cải tạo một số tuyến ống cũ tại Tp. Vũng Tàu: ống D400 Lê Lợi; ống D200 Nguyễn Thái Học; ống D100, D200 Nam Kỳ Khởi Nghĩa....

4. Kết quả triển khai thực hiện các công tác khác:

- Số lượng lao động: 444 người (thống kê ngày 31/12/2017).
- Mức lương trung bình: 9,5 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - o Các CB.CNV được sắp xếp bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người lao động; Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.
 - o 100% CB CNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ ốm, nghỉ phép...v.v.. và các chế độ khen thưởng phúc lợi khác); khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu tại các cơ sở y tế uy tín.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc: đồng phục, bảo hộ lao động, chi phí xăng xe máy cá nhân, các máy móc dụng cụ phục vụ công việc.
- Đầu tư sân tập luyện, tổ chức các giải thể thao, động viên, khuyến khích CB.CNV tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - Công tác huấn luyện, đào tạo luôn được Ban lãnh đạo coi trọng, xem như một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ, giúp người lao động tiếp thu những kiến thức mới thông qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, hình thức đào tạo cũng luôn được đổi mới và đa dạng.
 - Trong năm 2017 Công ty đã tổ chức 38 khóa đào tạo với hơn 976 lượt CB.CNV kinh phí khoảng 830 triệu đồng, trong đó tự đào tạo nội bộ chiếm một 1/2 số khóa với nhiều nội dung đa dạng, thiết thực.
- Ứng dụng tốt CNTT trong quản lý: ngoài việc phát triển ứng dụng các phần mềm Quản lý hiện có như Quản lý khách hàng; Quản lý mạng lưới B-GIS, phần mềm ghi chỉ số DH trên điện thoại di động, hóa đơn điện tử v.v... đã làm từ các năm trước, trong năm 2017 đã phát triển thêm phần mềm in phiếu tính tiền nước ngay khi ghi chỉ số đồng hồ tiêu thụ nước hàng tháng.
- Phương thức kết hợp thu tiền nước ngay khi ghi chỉ số đã đánh dấu một bước tiến mới trong công tác dịch vụ khách hàng của BWACO. Đây là sự thay đổi lớn góp phần nâng cao hiệu quả làm việc và tiết kiệm nhân lực. Sau hơn 3 tháng triển khai trên địa bàn huyện Xuyên Mộc, Châu Đức và Long Điền, hình thức này được đánh giá cao vì tính tiện lợi trong việc thanh toán tiền nước. Ngay tháng đầu tiên đã có gần 80% khách hàng trả tiền khi nhân viên đến ghi chỉ số. Trong thời gian tới việc ghi thu kết hợp này sẽ tiếp tục được áp dụng tại khu vực thành phố Vũng Tàu và Bà Rịa. Một ưu điểm nữa của giải pháp này là đã khuyến khích thêm được nhiều khách hàng đăng ký hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, một xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại.
- Duy trì và thực hiện các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát như đưa DH khách hàng ra ngoài, phát hiện và ngăn chặn sử dụng nước trái phép, dò tìm rò rỉ, v.v. để duy trì và đạt tỷ lệ thất thoát nước ở mức dưới 8%.
- Nhân viên giao dịch trực tiếp với khách hàng: tận tâm, chu đáo, tôn trọng khách hàng, không nhận tiền bồi dưỡng. Trung tâm chăm sóc khách hàng được duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên cải tiến để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Sau 02 năm đưa vào hoạt động, Tổng đài Call center đã phát huy tốt chức năng nhiệm vụ, được khách hàng đánh giá cao. Tất cả các cuộc gọi đều được ghi âm, cập nhật vào hệ thống đầy đủ nên mọi thông tin được kiểm soát tốt, tập trung về một đầu mối và có phương án xử lý nhanh và hiệu quả nhất.
- Trong năm 2017, các hoạt động liên quan đến môi trường, cộng đồng xã hội được duy trì từ nhiều năm nay như các hoạt động từ thiện xã hội với số tiền 2,2 tỷ đồng từ quỹ phúc lợi của Công ty và đóng góp tự nguyện của CB.CNV bằng các chương trình thiết thực, với sự tham gia nhiệt tình của tất cả CB.CNV Công ty;

Chi tiết như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
-----	----------	---------

		(đồng)
1	Tặng quà cho các hộ nghèo dịp Tết nguyên đán	1.002.800.000
2	Hỗ trợ các bếp ăn từ thiện	162.000.000
3	Tặng quà cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn	80.000.000
4	Phụng dưỡng 2 mẹ VNAH	53.000.000
5	Ứng hộ Hội người mù & Hội người khuyết tật	90.000.000
6	Xây dựng, sửa chữa nhà Đại đoàn kết (6 căn)	280.000.000
7	Ứng hộ Quỹ khuyến học tỉnh	50.000.000
8	Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" và quỹ "Vi người nghèo"	50.000.000
9	Quỹ nạn nhân Chất độc da cam DIOXIN	50.000.000
10	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh	30.000.000
11	Ứng hộ các tỉnh miền Trung bị lũ lụt	50.000.000
12	Ứng hộ khác (đối tượng chính sách, trẻ em nghèo, các hoạt động XH...)	302.838.000
TỔNG CỘNG		2.200.638.000

- Chương trình giáo dục ngoại khóa được tổ chức cho 23 trường tại nhà máy Hồ Đá Đen với tổng số học sinh tham gia là 2.300 cháu từ các trường PTCS, PTHH trên toàn Tỉnh.

II. KẾ HOẠCH SXKD VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH
		NĂM 2018
1. Sản phẩm chủ yếu		
- Nước sản xuất	1000 m ³	54.713
- Nước thương phẩm	1000 m ³	49.603
2. Tỷ lệ thất thoát	%	< 8
3. Tổng doanh thu	Tr. đồng	606.000
- Kinh doanh nước	Tr. đồng	577.000
- Xây lắp	Tr. đồng	8.000
- Tài chính, khác	tr. đồng	21.000
4. Số đầu nối mới	đầu nối	6.000

2. Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018:

- Thi công 07 km tuyến ống nước sạch D1200-1000 từ NM Hồ Đá Đen về Vũng Tàu.
- Thi công 7,6 km ống D600 cấp nước cho Long Hải, Phước Tỉnh.
- Thi công 7 km ống D450 cấp nước cho Hóa Dầu Long Sơn.
- Hoàn thành đầu nối tuyến ống nước thô thứ hai D1000 vào NM Hồ Đá Đen.
- Đầu tư, cải tạo 22 km ống D100 + 400 trên các địa bàn.
- Cải tạo hệ thống trung hoà Clo XN CN Vũng Tàu.
- Hoàn thành các hạng mục đầu tư cho CN CN Xuyên Mộc và Châu Đức.
- Áp dụng việc ghi thu đồng thời cho toàn bộ các khu vực.
- Thực hiện công bố thông tin đúng quy định đối với Công ty đã niêm yết.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Thực hiện tốt công tác từ thiện, cộng đồng và truyền thông.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trân trọng!



[Handwritten signature]
ĐINH CHÍ ĐỨC



BÁO CÁO

V.v Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính 2018
Tại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước BR-VT;
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu kính trình trước Đại hội nội dung Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính 2018 như sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2017:

1. Bảng cân đối kế toán:

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	100	404,819	263,299
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	11,514	62,352
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	278,575	83,450
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	65,982	79,426
IV-Hàng tồn kho	140	45,780	36,730
V-Tài sản ngắn hạn khác	150	2,968	1,341
B. Tài sản dài hạn	200	356,195	323,291
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		
II - Tài sản cố định	220	264,570	265,309
III - Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	27,492	17,499
V - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	64,133	40,483
V-Tài sản dài hạn khác	260	-	-
Tổng cộng tài sản		761,014	586,590
NGUỒN VỐN			

A. Nợ phải trả	300	128,760	111,181
I - Nợ ngắn hạn	310	122,627	104,733
II - Nợ dài hạn	320	6,133	6,448
B. Vốn chủ sở hữu	400	632,254	475,409
I - Vốn chủ sở hữu	410	632,254	475,409
II - Nguồn kinh phí, quỹ khác	420	-	-
Tổng cộng nguồn vốn		761,014	586,590

2. **Kết quả sản xuất kinh doanh:**

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	591,372	555,271
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	396,353	384,081
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	195,019	171,190
4	Thuế TNDN	36,356	31,563
5	Lợi nhuận sau thuế	158,663	139,627

II. **Phân phối lợi nhuận năm 2017:**

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế		158,663
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Quỹ Đầu tư phát triển	6%	9,520
2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15%	23,799
3	Chia cổ tức tiền mặt (20%)	75.6%	120,000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	3.4%	5,344

III. **Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018:**

1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	606,035
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	394,035
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	212,000
4	Thuế TNDN	40,935
5	Lợi nhuận sau thuế	171,065

2. **Phân phối lợi nhuận năm 2018:**

- | | | |
|---|---|----------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch | : 171,065 triệu đồng |
| 2 | Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển | : 6% |
| 3 | Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi | : 15% - 17% |
| 4 | Kế hoạch chia cổ tức tiền mặt không thấp hơn 21%/mệnh giá. Tỷ lệ cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định. | |

Trên đây là Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐINH CHÍ ĐỨC

Số: 01/2018/BC.HDQT-CN

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013÷2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018÷2023

Kính thưa Quý vị đại biểu, kính thưa Quý cổ đông.

Nhiệm kỳ 2013-2018 là nhiệm kỳ thứ 2 của Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Hội đồng quản trị xin báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2013÷2018 và phương hướng công tác năm 2018÷2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013÷2018

1.Nhân sự

- **Hội đồng quản trị:**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 nhiệm kỳ 2013÷2018 bầu chọn gồm 07 thành viên và giữ nguyên đến ngày báo cáo như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Lương Điền	Phó chủ tịch – Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Võ Văn Bình	Thành viên
4	Ông Nguyễn Như Hà	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tiến Lạng	Thành viên – Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên – Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Lê Minh Đức	Thành viên

- **Ban kiểm soát:**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 bầu chọn gồm có 03 thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Châu Trục	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Đại hội đã bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc vào Ban Kiểm soát giữ chức vụ trưởng Ban Kiểm soát và giữ nguyên cho đến ngày báo cáo như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Châu Trục	Thành viên
3	Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên

- **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:** Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được HĐQT bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 và giữ nguyên đến ngày báo cáo như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Đinh Chi Đức	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Tiến Lượng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Quốc Huy	Kế toán trưởng

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013÷2018:

2.1 Các hoạt động về giám sát, chỉ đạo của HĐQT:

- HĐQT hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đã được ĐHĐCĐ thành lập thông qua lần thứ 1 ngày 20/10/2008 và các điều lệ sửa đổi đã được thông qua trong các kỳ ĐHĐCĐ cho đến ngày báo cáo là Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được thông qua ngày 25/3/2017.
- Trong nhiệm kỳ 2013÷2018, HĐQT đã tổ chức 35 cuộc họp theo yêu cầu nhiệm vụ SXKD và đầu tư, đã ban hành 39 Nghị quyết phục vụ công tác quản trị Công ty.
- Hàng năm HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả SXKD, báo cáo tài chính đã kiểm toán.
- Các hoạt động điều hành SXKD, báo cáo tài chính của Công ty được Ban Kiểm soát xem xét và kiểm tra, đảm bảo tính hợp pháp theo quy định

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2013÷2018:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	210	273	360	465	600
Nước máy thương phẩm (1000 m ³)	49,774	47,994	50,328	50,737	50,816
	9,41	7,73	7,34	7,25	7,59

Tỷ lệ thất thoát (%)					
Số đầu nôi	143.303	149.616	157.347	165.076	171.676
Số cán bộ công nhân viên	430	432	434	438	444
Doanh Thu (tỷ đồng)	365,470	394,645	447,480	555,271	591,371
Lợi nhuận sau thuế(tỷ đồng)	73,055	85,882	98,108	139,626	158,663
Cổ tức tiền mặt (%)	20	20	8	5	20
Tăng cổ phiếu (%)		30	31,86	25	
Tốc độ tăng trưởng doanh thu (%)		108	113	124	107
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận (%)		118	114	142	114

Đánh giá kết quả SXKD: Qua 05 năm hoạt động vốn điều lệ tăng gần 3 lần, cổ tức ổn định ở mức cao, khoảng 20%/năm.

2.3 Công tác đầu tư ra bên ngoài: Đầu tư góp vốn vào 04 Công ty, hoạt động hiệu quả, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tổng số vốn góp của BWACO theo mệnh giá (tỷ đồng)		Cổ tức (tỷ đồng)	
	Năm 2013	Năm 2017	Năm 2013	Năm 2017
Công ty CP Cấp nước Phú Mỹ	47,05	80,12	5,84	13,96
Công ty CP Cấp nước Châu Đức				
Công ty CP Thể thao Vũng Tàu				
Công ty CP DV MT & CTDT Vũng Tàu				

2.4 Đầu tư xây dựng cơ bản

✦ Cải tạo các Nhà máy và mạng lưới cấp nước:

- Đầu tư xây mới các công trình cho Chi nhánh Cấp nước Xuyên Mộc và Châu Đức sau gần 20 năm sử dụng đã xuống cấp và không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất:

+ Bình Châu: Xây mới trạm bơm, cải tạo bể lắng đứng lamen, thảm nhựa đường nội bộ.

+ Phước Bửu: Lắp thêm ống nước thô D200; xây mới trạm bơm, nhà hóa chất, bể chứa 600 m³, cụm xử lý, hệ thống xử lý bùn,... đạt công suất 5.000 m³/ngày.

+ Châu Đức: Lắp thêm ống nước thô, nước sạch D300 dài 10,3 km, xây mới cụm xử lý, bể chứa 400 m³, hệ thống xử lý bùn, nhà hóa chất,... đạt công suất 5.000 m³/ngày.

- Tự động hóa dây chuyền xử lý của NMN Hồ Đá Đen, Sông Dinh
- Xây dựng nhà Clo đầu nguồn tại Hồ Đá Đen để nâng cao hiệu quả xử lý nước tại nhà máy và làm sạch đường ống truyền tải nước thô.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm tuyến ống nước thô D1000 dài 12km.
- Súc xả các tuyến ống $D \geq 100$ bằng quả nút.
- Phát triển 40.000 mét và cải tạo 22.000 mét ống $D \geq 100$.

↓ Văn phòng làm việc:

- Cải tạo tổng thể Trạm tăng áp Vũng Tàu: xưởng cơ khí, xưởng kiểm định đồng hồ, nhà kho, trạm bơm tăng áp.
- Xây mới văn phòng Xí nghiệp CN Vũng Tàu và Xí nghiệp Xây lắp.
- Mở rộng Trụ sở văn phòng Công ty.
- Xây mới văn phòng Chi nhánh Châu Đức, Xuyên Mộc.

↓ Đổi mới công tác dịch vụ khách hàng:

- Thu tiền 2 tháng/lần đối với khách hàng dùng nước <10 m³/tháng.
- Ghi chỉ số đồng hồ trên điện thoại di động
- Thiết lập Tổng đài chăm sóc khách hàng Call – Center.
- Áp dụng hóa đơn điện tử
- Tăng cường ủy nhiệm thu tiền nước qua ngân hàng
- Áp dụng ghi - thu đồng thời

↓ Từ thiện xã hội – Hoạt động cộng đồng:

- Thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội với tổng số tiền 8,13 tỷ đồng.
- Tổ chức cho 12.000 học sinh đến tham quan và học tập ngoại khóa tại NMN Hồ Đá Đen.

Tóm lại: Nhiệm kỳ 2013-2017, HĐQT Công ty đã hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ lần thứ II được tổ chức ngày 21/3/2013.

II. NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2018+2023

1. Định hướng

- Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu trong khu vực Châu Á.
- Tiếp tục đầu tư tài chính chú trọng vào ngành nước.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Mục tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Nước máy thương phẩm (1.000m ³)	49.603	50.595	51.607	52.639	53.692
Phát triển khách hàng mới (đầu nối)	6.000	5.000	4.500	4.000	3.500
Doanh thu kinh doanh nước (tỷ đồng)	570,435	581,843	593,480	605,350	617,457
Lợi nhuận sau thuế(tỷ đồng)	166,540	169,871	173,268	176,734	180,268
Cổ tức(%)	20	≥15	≥15	≥15	≥15
Tốc độ tăng trưởng doanh thu(%)		102	102	102	102
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận(%)		102	102	102	102

3. Các nhiệm vụ chính

3.1 Đầu tư cho sản xuất

Đầu tư phát triển một số công trình, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu dùng nước đến năm 2023 và các năm tiếp theo:

- Hoàn thành tuyến ống nước sạch D1200-1000 từ NM Hồ Đá Đen về Vũng Tàu; Tuyến D600 từ Bà Rịa về Long Hải, Phước Tỉnh; D450 cấp nước cho Long Sơn; Cải tạo và đầu tư một số tuyến ống D ≥ 100.
- Hoàn thành nâng công suất nhà máy nước Hồ Đá Đen từ 110.000 m³/ngày lên 210.000 m³/ngày.
- Kết nối đường ống với Công ty CP cấp nước Phú Mỹ, Công ty CP cấp nước Châu Đức đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn Tỉnh.

3.2 Công tác dịch vụ khách hàng

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng bao gồm cả các quy định, quy chế dịch vụ khách hàng và thái độ phục vụ của CB.CNV:

- Linh hoạt trong thanh toán tiền nước bằng nhiều hình thức như thu tại nhà ngay khi ghi chỉ số đồng hồ, ủy nhiệm thu qua ngân hàng, nhờ thu qua các tổ chức tài chính trung gian như payoo, momo,.....

- Thiết lập phần mềm ứng dụng của BWACO cài trên điện thoại di động của khách hàng nhằm giúp KH dễ dàng trong việc truy cập thông tin sử dụng, thanh toán tiền nước trực tuyến, tiếp nhận và phản hồi ý kiến khách hàng;
- Tăng cường các hình thức đào tạo để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Thường xuyên kiểm soát đánh giá chất lượng DVKH, có chế tài để thưởng phạt nhằm khuyến khích nhân viên phục vụ KH tốt hơn.
- Thăm hỏi định kỳ khách hàng sử dụng khối lượng lớn, hỗ trợ khi có yêu cầu nghiệp vụ.

3.3 Công tác từ thiện-xã hội-cộng đồng

- Tiếp tục quan tâm thực hiện công tác từ thiện và cộng đồng, coi đây như một công việc thường xuyên, liên tục thể hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp và của CB.CNV với xã hội.
- Phối hợp với các trường PTCS tổ chức các chương trình giáo dục về môi trường, nguồn nước cho học sinh.
- Tổ chức các chương trình phụ trợ khác hướng đến những vấn đề cộng đồng có liên quan đến ngành nước.
- Tiếp tục duy trì và phát triển các chương trình từ thiện xã hội thiết thực

3.4 Công tác đào tạo, phát triển nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ, kiến thức và năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật, kinh tế và quản lý kinh tế vĩ mô, về trình độ ngoại ngữ và tin học....
- Kết hợp nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đào tạo công tác thực hành, các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp và công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng, đào tạo công nhân thực hành trực tiếp v.v...
- Đẩy mạnh thực hiện việc luân chuyển cán bộ trong nội bộ để cán bộ trải qua nhiều chức danh; đồng thời tích cực thực hiện việc luân chuyển cán bộ chuyên ngành, giúp cho đội ngũ cán bộ nhanh chóng trưởng thành và có kiến thức, năng lực toàn diện hơn.

3.5 Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn

- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch chính xác.
- Tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.
- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí SXKD.

Trên đây là kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước BR-VT thực hiện trong nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các quý vị cổ đông.
Trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐINH CHÍ ĐỨC

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2018...

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013 ÷ 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2018 ÷ 2023
Tại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước BR-VT;
- Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2018;
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu kính trình trước Đại hội nội dung tổng kết hoạt động của Ban trong nhiệm kỳ 2013 – 2018 như sau:

I. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Nhân sự: Tính đến thời điểm báo cáo nhân sự Ban kiểm soát gồm 4 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Châu Trục	Thành viên
3	Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong suốt nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty. Cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét các Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tổng hợp năm và Báo cáo kết quả kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành.
- Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định của Nhà nước;
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.



II. Đánh giá của Ban kiểm soát về HĐQT, Ban Tổng giám đốc và nhận xét:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc: Trong nhiệm kỳ 2013 – 2018, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Cụ thể là:
 - Thực hiện đúng pháp luật các quy định về công tác quản trị, các quy định đối với Công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM và thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông qua các năm.
 - Trong 5 năm của nhiệm kỳ, tỷ lệ chia cổ tức luôn được giữ ổn định và tăng trưởng tốt. Việc đạt được kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của HĐQT và Ban TGD trong công tác quản trị điều hành Công ty.
 - HĐQT và Ban TGD đã quyết định việc áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình sản xuất kinh doanh, giúp nâng cao công suất cho các Nhà máy, đồng thời tăng năng suất làm việc của người lao động, giúp Công ty tiết kiệm chi phí và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có.
 - Công tác quản lý tài chính minh bạch, kiểm soát tốt các chi phí đầu vào. Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai, luôn bám sát và thực hiện theo chiến lược kinh doanh, hướng đến mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững.
 - Bên cạnh đó HĐQT và Ban TGD luôn hợp tác và hỗ trợ để Ban kiểm soát hoàn thành và thực hiện tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Đánh giá công tác tài chính kế toán và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ 2013 - 2018:
 - Theo Báo cáo tài chính từ năm 2013 – 2017 đã được Công ty Kiểm toán độc lập soát xét. Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội các số liệu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2013	2014	2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	210	273	360	465	600
2	Doanh Thu (tỷ đồng)	365,470	394,645	447,480	555,271	591,371
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	73,055	85,882	98,108	139,626	158,663
4	Cổ tức tiền mặt (%)	20	20	8	5	20
5	Tăng cổ phiếu (%)		30	31,86	25	
6	Tốc độ tăng doanh thu (%)		108	113	124	107
7	Tốc độ tăng lợi nhuận (%)		118	114	142	114

3. Nhận xét chung:

a) Về hoạt động của Công ty:

- Quy mô Công ty ngày càng phát triển, vốn điều lệ tăng thêm 2,86 lần từ năm 2013 đến năm 2017. Doanh thu và lợi nhuận tăng đều qua các năm. Tỷ lệ chia cổ tức cao, ổn định.



- Với kết quả của Báo cáo tài chính, Ban kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, minh bạch; báo cáo phản ánh trung thực, hợp lý, khách quan các chỉ tiêu tài chính quan trọng, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ 2013 - 2018 đạt kết quả tốt, hoàn thành phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong nhiệm kỳ. Đảm bảo mức chi cổ tức cho cổ đông, Công ty đã sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn nhân lực, nguồn vốn, quỹ đầu tư phát triển và có định hướng chiến lược phát triển rõ ràng trong ngắn hạn và dài hạn.
- Hàng năm, Công ty luôn thực hiện tích cực công tác từ thiện, xã hội, vì cộng đồng.
- Thành quả đạt được cho sự nỗ lực của HĐQT và Ban TGD trong công tác quản trị là năm 2017, Công ty được UBND tỉnh BR-VT công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" và được nhận cờ thi đua.

b) Về hoạt động Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật và theo Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty.
- Thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao trong nhiệm kỳ 2013 - 2018.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2018 - 2023:

- Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh, đầu tư của Công ty và tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kính thưa quý cổ đông

Trên đây, Ban Kiểm soát vừa trình bày Báo cáo hoạt động trong nhiệm kỳ 2013 - 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để hoạt động của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ mới 2018 - 2023 hiệu quả hơn.

Xin kính chúc toàn thể các quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!



**BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Hoàng Ngọc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

PHẦN III

CÁC TỜ TRÌNH THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

TỜ TRÌNH

V/v: *Phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị và BKS năm tài chính 2017
và đề xuất mức thù lao năm tài chính 2018*

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 3 năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông việc chi trả thù lao đối với HĐQT và BKS trong năm tài chính 2017 và đề xuất mức thù lao đối với HĐQT và BKS trong năm tài chính 2018. Cụ thể như sau:

1. Chi trả thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2017:

Theo nghị quyết ĐHĐCD năm 2017, nguồn thù lao được sử dụng để chi trả cho HĐQT và BKS trong năm 2017 là 900 triệu đồng.

HĐQT xin báo cáo số liệu thực tế đã chi cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2017 là 900 triệu đồng.

2. Đề xuất mức thù lao HĐQT và BKS năm 2018:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, HĐQT kính trình ĐHĐCD phê duyệt thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2018 là 950 triệu đồng.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc quyết toán số tiền thù lao thực tế đã chi cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2017 và thông qua mức thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2018 như đã nêu trên.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT, HC.



ĐINH CHÍ ĐỨC



Vũng Tàu, ngày 16 tháng 5 năm 2018.

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty Kiểm toán Bảo cáo tài chính năm 2018
của Công ty CP Cấp nước BR-VT

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 4/12/2013 của Bộ Tài Chính về việc kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.
- Căn cứ quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh sách doanh nghiệp kiểm toán được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước BR-VT

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp nước BR-VT kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách 3 Công ty Kiểm toán độc lập sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

- Địa chỉ: 02 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TPHCM
- Điện thoại: 028.35.472.492 – Fax 028. 35.472.970

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC)

- Địa chỉ: 389 Điện Biên Phủ, P4, Quận 3, TPHCM
- Điện thoại: 028 38328964 - Fax: 028 38342957

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

- Lầu 6 toà nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15, Q. Bình Thạnh, TPHCM
- Điện thoại: 028 38.406.618; Fax: 028 38.406.616

Cả 3 Công ty Kiểm toán trên đây đều có đủ năng lực và điều kiện phù hợp theo Quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 trong 3 tổ chức kiểm toán trên để thực hiện Kiểm toán Bảo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Cấp nước BR-VT.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT, HC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐINH CHÍ ĐỨC



Vũng Tàu, ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Số: 04 /CN

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Quy định mới của Nhà nước

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng có yêu cầu: Công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu và Quy chế mẫu tại Phụ lục số 01, 02 Thông tư này để xây dựng Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Vì vậy, theo yêu cầu của Thông tư, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Quy định của Nhà nước.
2. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Nội dung bản Dự thảo Điều lệ; Bảng so sánh Điều lệ cũ, mới và Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được công bố thông tin trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày Đại hội bắt đầu khai mạc và nằm trong Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đăng trên trang Web: www.bwaco.com.vn.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT, HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐINH CHÍ ĐỨC

TỜ TRÌNH

V/v Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Từ khi bắt đầu cổ phần hóa năm 2008 đến nay, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty là do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm. Việc kiêm nhiệm này đã tạo thuận lợi cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác phối hợp điều hành, và quản trị Công ty một cách hiệu quả. Vì vậy, trong các năm qua Công ty đã từng bước phát triển ổn định, đạt được nhiều kết quả tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động và cho Cổ đông.

Với những thuận lợi đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua việc Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Kính trình Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT, HC.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lương Điền



TỜ TRÌNH

V/v Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty
nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu 02/04/2016;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Theo Nghị quyết năm 2013 thì đến năm 2018 là hết nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới, cụ thể như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu: 09 người
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu: 03 người
3. Nhiệm kỳ: 5 năm (Từ 2018 đến 2023)
4. Cách thức đề cử, ứng cử và bầu cử: Tuân thủ theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký HDQT, HC.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐINH CHÍ ĐỨC





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

PHẦN IV

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Số: /NQ-DHDCD

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Biên bản dự thảo họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 07/4/2018.



QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, giai đoạn 2013+2018 và kế hoạch SXKD năm 2018, định hướng phát triển giai đoạn 2018+2023.
- Điều 2:** Thông qua Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch tài chính năm 2018.
- Điều 3:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013+2018 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018+2023.
- Điều 4:** Thông qua mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và đề xuất mức thù lao năm 2018.
- Điều 5:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 2018.
- Điều 6:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung điều lệ theo quy định mới của Nhà nước.
- Điều 7:** Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Điều 8:** Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
- Điều 9:** Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
- Điều 10:** Công bố các chức danh Chủ tịch HĐQT, phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban kiểm soát.



Điều 11: Điều khoản thi hành:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Công ty thực hiện, kiểm tra và giám sát theo tinh thần và nội dung của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Đăng trên website Cty;
- HĐQT, BTGD, BKS Công ty;
- Lưu VP.

ĐINH CHÍ ĐỨC





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

PHẦN V

CÁC TÀI LIỆU KHÁC LIÊN QUAN

**BẢNG SO SÁNH MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG YẾU
SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.

Các điểm khác biệt về quản trị công ty giữa Điều lệ và các quy chế cũ so với Điều lệ và các quy chế mới được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Lưu ý khi đọc bản so sánh:

- In đậm: được lược bỏ hoặc điều chỉnh trong điều lệ mới;
- In nghiêng: được điều chỉnh/bổ sung trong điều lệ mới.



STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Sửa đổi căn cứ khoản 4 Điều 2 ND71 và Điểm e Khoản 1 Đệ mẫu TT95 Thuật ngữ "người Điều hành doanh nghiệp" thay cho "Cán bộ quản lý" áp dụng cho toàn văn Điều lệ này
	d. "Cán bộ quản lý" Công ty là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;	<i>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</i>	
2	Điều 12. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Sửa đổi và Bổ sung Căn cứ khoản 3 Điều 156 LDN 2014, Điểm c khoản 3 Điều 14 Phụ lục 1 Thông tư 95
	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	<i>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</i>	

3	Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi căn cứ Điều lệ mẫu TT 95, phù hợp với LDN 2014
	1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các nội dung sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:	
	c. Mức cổ tức;	b. Mức cổ tức <i>thanh toán hàng năm phù hợp với Luật doanh nghiệp.</i>	
	t. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những người được quy định tại Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những <i>đối tượng</i> được quy định tại <i>khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp</i> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong <i>báo cáo tài chính gần nhất;</i>	
3	Điều 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
	Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Điểm a, Khoản 2, Điều 17 <i>Chuẩn bị</i> danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và <i>biểu quyết/bầu cử</i> tại đại hội <i>đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</i>	Sửa đổi căn cứ Điều lệ mẫu TT 95, phù hợp với Điều 21 Điều lệ này và theo hướng thuận lợi hơn cho quá trình hoạt động
4	Điều 18. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi căn cứ Khoản 1.2 Điều 144 LDN2014 và quy định cụ thể đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
	Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:	Nghị quyết, <i>quyết định</i> về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu <i>có quyền</i> biểu quyết của tất cả cổ đông (<i>hoặc các đại diện được ủy quyền</i>) dự họp tán thành <i>hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i>	
	a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;	a. <i>Loại cổ phần và tổng số có phần của từng loại;</i>	
	b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty	b. <i>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</i>	
	c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản	c. <i>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</i>	

	trị, Ban kiểm soát.		
	d. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	<i>d. Tổ chức lại, giải thể công ty.</i>	
		<i>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;</i>	
	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.	Sửa đổi căn cứ Khoản 1,2 Điều 144 LDN2014, tham khảo thông tư 95 và nghị định 71 theo hướng phù hợp cho DN
	3. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức: Bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát tại Công ty có thể áp dụng theo một trong các cách thức sau: <i>a) Bầu dồn lệch: Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số quyền bầu (*) của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</i> <i>b) Bầu dồn đều: Khi cổ đông đồng ý bầu cho tất cả các ứng viên trong phiếu bầu thì tổng số quyền bầu (*) sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên. Trong trường hợp cổ đông không đồng ý bầu cho một hay một số ứng viên cụ thể nào thì cổ đông sẽ gạch tên ứng viên đó trong phiếu bầu cử và tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên còn</i>	Xây dựng phù hợp với thực tế hoạt động tại Công ty

186
TỶ
N
C
3 TA
1A-V

		<p>lại.</p> <p>(*) Tổng số quyền bầu = Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện x Số thành viên được bầu tối đa.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
		<p>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.</p>	<p>Bổ sung nguyên tắc Bầu cử khác căn cứ việc Khoản 3 Điều 144 LDN 2014 cho phép thực hiện</p>
5	<p>Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p>	
			<p>Bổ sung cụ thể các nội dung sẽ được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>

		<p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với Điều a, Khoản 3, Điều 8, TT155 & Khoản 1, Điều 11, ND71
	Điều 22 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ bảy (07) đến 9 (chín) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN2014, Khoản 2 Điều 25 Thông tư 95
6		2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:	



		<p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>		<p>Đề xuất bỏ do không còn phù hợp với Luật DN, ND 71 và DLM TT95</p>
7	<p>Điều 27. Cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc Trên cơ sở cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty do Hội đồng quản trị quyết định Tổng Giám đốc được bổ trí, tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp. Cán bộ quản lý các phòng, đơn vị phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và</p>	<p>Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư 95</p>

110
VIG
PH
NUN
VUN
AR

	tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	<i>phải có trách nhiệm sẵn sàng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i>	
		<i>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</i>	
		Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	
		<i>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 điều 25 Điều lệ này</i>	
8	Khoản 4 Điều 30: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; <i>trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.</i>	Phù hợp với khoản 1 Điều 25 Điều lệ sửa đổi.
	Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
9	Điểm a Khoản 4 Điều 33: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng	Điểm a Khoản 5, Điều 38 a. Đối với hợp đồng có giá trị <i>nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <i>những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các</i> mối quan hệ và lợi ích của thành viên	

386
RY
N
C
TÀU
VUN

	<p>quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p>	<p><i>Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác</i> đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;;</p>	
	<p>Điểm b Khoản 4 Điều 33 Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này</p>	<p>Điểm b Khoản 5, Điều 38 b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <i>những nội dung</i> quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác</i> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã <i>thông qua</i> hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	

Lưu ý: Đây là nội dung so sánh một số điểm thay đổi trọng yếu, nội dung chi tiết kính nhờ quý cổ đông xem tại Điều lệ mới của Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2018



MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21

01386
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
BÀ RI - VŨNG TÀU
HỘI TBA

Điều 24.	Ứng cử, đề cử của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		28
Điều 30.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 31.	Người điều hành doanh nghiệp.....	28
Điều 32.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	28
Điều 33.	Thư ký Công ty.....	29
IX. BAN KIỂM SOÁT.....		29
Điều 34.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	29
Điều 35.	Kiểm soát viên.....	30
Điều 36.	Ban kiểm soát.....	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		31
Điều 37.	Trách nhiệm cẩn trọng.....	31
Điều 38.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 39.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....		33
Điều 40.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	33
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		34
Điều 41.	Phân phối lợi nhuận.....	34
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....		34
Điều 42.	Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 43.	Năm tài chính.....	34
Điều 44.	Chế độ kế toán.....	35
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		35
Điều 45.	Báo cáo tài chính năm.....	35
Điều 46.	Báo cáo thường niên.....	35
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....		36
Điều 47.	Kiểm toán.....	36
XVI. CON DẤU.....		36

Điều 48. Con dấu	36
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	36
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	36
Điều 50. Gia hạn hoạt động	36
Điều 51. Thanh lý	37
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	38
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	38
XX. NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 54. Ngày hiệu lực	38



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2018 đã thông qua và ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau:

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - a. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU
 - b. Tên tiếng Anh: BA RIA - VUNG TAU WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
 - c. Tên giao dịch: BWACO
 - d. Tên viết tắt: BWACO
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ trụ sở chính: số 14 đường 30/4 phường 9 TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- b. Điện thoại:(064) 3591196
 - c. Fax:(064) 3833636
 - d. E-mail: capnuocvungtau@bwaco.com.vn
 - e. Website: www.bwaco.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
- a. Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ;
 - b. Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
 - c. Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình công nghiệp, dân dụng, công trình giao thông;
 - d. Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
 - e. Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;

- f. Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- g. Duy tu, bảo dưỡng đường bộ;
- h. Trám, vá, sửa chữa mặt đường vỉa hè;
- i. Gia công cơ khí;
- j. Dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp các phần mềm quản lý chuyên ngành cấp nước;
- k. Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy sản xuất nước.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang đến cho khách hàng dịch vụ cấp nước an toàn chất lượng, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 1. Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 60.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.
- 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
- 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ

ĐƯỢC
CẤP
G TÀI
RI A

đồng hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông nếu chưa lưu ký chứng khoán thì được Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Nếu đã lưu ký thì thực hiện theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đã ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;



- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.
 - k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;



- d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (nếu có)
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm phù hợp với Luật doanh nghiệp;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

f. Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;



- l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

10
NG
P
ÁP N
VA-V
UTE

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết/bầu cử tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành

186
TY
ÁN
ỐC
IG TÀ
PH

lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ

tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;



Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức: Bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát tại Công ty có thể áp dụng theo một trong các cách thức sau:

a) Bầu dồn lệch: Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số quyền bầu (*) của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Bầu dồn đều: Khi cổ đông đồng ý bầu cho tất cả các ứng viên trong phiếu bầu thì *tổng số quyền bầu (*)* sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên. Trong trường hợp cổ đông không đồng ý bầu cho một hay một số ứng viên cụ thể nào thì cổ đông sẽ gạch tên ứng viên đó trong phiếu bầu cử và tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên còn lại.

() Tổng số quyền bầu = Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện x Số thành viên được bầu tối đa.*

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên

nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty được kiểm toán;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

38
TY
ÁN
IỐC
NG T

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Phương án bầu cử (nếu có);
- g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử
- d. Tổng số phiếu tán thành và không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản có thể được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử của thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới



30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5506
CC
CC
C
BÀ RỊA
VŨNG TÀU

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 2. Tổng số tiền trả cho thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp. Thù lao của Hội đồng quản trị được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát.
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không

triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành lần thứ nhất khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, dịch vụ và thương mại có giá trị nhỏ hơn 30% tổng tài sản; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất



- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 33. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- 3. Tham dự các cuộc họp.
- 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

- 1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của Công ty.



Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng lập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

500
ÔNG
PH.
NUK
VŨNG
RIA

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản

trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3506
CÔNG
CỔ
CẤP
NƯỚC
BÀ RI
VŨNG TÀU

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định của luật khác hoặc các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

136C
Y
N
C
TÀU
1-V-19

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

Bản điều lệ này gồm 20 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2017. Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ đã được ban hành ngày 02/04/2016.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RIJA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2. Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG 6	
Mục 1. Thề thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	14
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	15
Điều 12. Cách thức kiểm phiếu	16
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	16
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	17
Điều 15. Cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	19
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	20
Điều 18. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
Điều 19. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT	23
Mục 1. Quy định chung	23
Điều 20. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	23
Điều 21. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT	23
Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT	24
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT	24
Điều 23. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT	24
Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	25

Điều 25.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT	25
Điều 26.	Cách thức bầu thành viên HĐQT	26
Điều 27.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	26
Điều 28.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	26
Điều 29.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	26
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT		27
Điều 30.	Cuộc họp HĐQT	27
Điều 31.	Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	28
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT		31
Mục 1. Quy định chung		31
Điều 32.	Thành phần Ban Kiểm soát	31
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	31
Điều 34.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	32
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên		32
Điều 35.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	32
Điều 36.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	32
Điều 37.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	33
Điều 38.	Cách thức bầu Kiểm soát viên	33
Điều 39.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	33
Điều 40.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	34
Điều 41.	Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát	34
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát		34
Điều 42.	Cuộc họp Ban kiểm soát	34
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP		35
Điều 43.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	35
Điều 44.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	35
Điều 45.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	36
Điều 46.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	36
Điều 47.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	36
CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		37
Điều 48.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	37
Điều 49.	Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát	37
Điều 50.	Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc	37
Điều 51.	Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	37

Điều 52. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	38
Điều 53. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	38
Điều 54. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	39
Điều 55. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	39
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	41
Điều 56. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	41
Điều 57. Khen thưởng	41
Điều 58. Kỷ luật	41
CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	42
CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 60. Ngày hiệu lực	42

CHƯƠNG 1-QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Điều 2. Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị
5. Ứng cử: là tự đề cử
6. BKS: là Ban kiểm soát
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)



CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*
 - a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch:

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không

bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:



- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 - 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn chủ tịch giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
 - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.
 - ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
- Các tài liệu kèm theo như sau:
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập).
 - Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập);
 - Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập).
 - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);

- o Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).
- i. Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).
- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
 - a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
 - b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Ngoài ra, việc ủy quyền của các đại biểu cần phải đảm bảo phù hợp với các quy định khác của Luật hiện hành.
- 3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.
 - c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm phù hợp với Luật doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

- i. Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung
 - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu/Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử
 - a. Phiếu/Thẻ biểu quyết

- **Phiếu/thẻ biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên thẻ/phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. **Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.**

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Thẻ/Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ/phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết cho từng nội dung thông qua bằng cách giơ Thẻ/phiếu biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ/phiếu biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 2 (hai) ô tương ứng với việc tán thành hoặc không tán thành ghi trong Thẻ biểu quyết. Đồng thời, ký và nộp lại Thẻ cho Ban tổ chức khi được yêu cầu.
- b. Biểu quyết bằng Thẻ /Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ/Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, được in sẵn trong Thẻ/Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Thẻ/Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Phương thức bầu dồn phiếu thực hiện hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014

b. Phương thức bầu dồn đều

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Khi đại biểu đồng ý bầu cho tất cả các ứng viên trong phiếu bầu thì tổng số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên.
- Trong trường hợp đại biểu không đồng ý bầu cho một hay một số ứng viên cụ thể nào thì cổ đông sẽ gạch tên ứng viên đó trong phiếu bầu cử và tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên còn lại;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Khi đại biểu đồng ý bầu cho tất cả các ứng viên trong phiếu bầu thì tổng số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên.
 - + Trong trường hợp đại biểu không đồng ý bầu cho một hay một số ứng viên cụ thể nào thì cô đồng sẽ gạch tên ứng viên đó trong phiếu bầu cử và tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên còn lại;
- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

c. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời

hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty, Khoản 3 Điều 22)

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành) bỏ. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 18. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Các nội dung có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại điều lệ Công ty. Riêng đối với trường hợp “Tổ chức lại, giải thể Công ty”, Hội đồng quản trị không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 21, Điều 23 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Phương án bầu cử (nếu có); XEM LẠI BỎ TRONG BẢN CHÍNH THỨC
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 20. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là 9 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - i. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - ii. Có đơn từ chức;
 - iii. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - v. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - vi. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 nghị định 71/2017/NĐ-CP;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 23. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 20 Quy chế này.
3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 29 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 29 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 25. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 26. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 24 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhà hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 30. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT
 - a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 31 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường
 - a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
 - b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- i. Ban kiểm soát;
 - ii. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 31. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):
 - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 - c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
 - d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
 - e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
 - c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
3. Cách thức biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc để xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

- e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 - f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:
- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
 - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
5. Ghi biên bản họp HĐQT:
- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 32. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 36. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ

30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử (05) ứng viên trở lên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 41 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 41 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 37. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty)

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức quy định tại điều lệ Công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 41. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 36 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 42. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 43. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/ND-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c. ...
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
 - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/ND-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ đại học trở lên;
 - e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.
 - g.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm....

Điều 44. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 31 và Khoản 1, 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - a. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 45. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 26 và Điều 31 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 26 và Điều 31 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp tại Công ty.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 43 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 49. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 50. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 51. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 32, Khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

+ ...

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty không được thực thi;
- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

+ ...

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 52. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 53. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 52 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 54. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 32, Khoản 3 Điều 38, Điều 42 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 55. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định sau:
 - a. Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - b. Trường hợp Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp HĐQT thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).
 - c. Biên bản họp HĐQT và nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Yêu cầu phối hợp từ Ban kiểm soát:
 - a. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên

- Ban Kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban Kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- b. Biên bản họp của Ban Kiểm soát có sự tham gia của thành viên HĐQT và Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.
 3. Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT thì phải gửi văn bản đến Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty.
 4. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng giám đốc phải lập báo cáo gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát về:
 - a. Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - b. Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - c. Việc thực hiện nghị quyết HĐQT và các vấn đề HĐQT ủy quyền.
 5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc:
 - a. HĐQT giám sát Tổng giám đốc trong việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban Kiểm soát giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - b. Trường hợp HĐQT phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - c. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thực hiện phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát.
 - d. HĐQT tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại Công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của Công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban Kiểm soát được biết. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và phải có văn bản thông báo đến HĐQT về việc tham gia này.
 - e. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Tổng giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 05 ngày làm việc.
 6. Trường hợp Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra người đại diện của Công ty tại các Đơn vị thành viên và yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động tại các công ty thành viên thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch HĐQT trước 05 ngày làm việc trước khi thực hiện, trong đó ghi rõ nội dung cần kiểm tra, kiểm soát.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 56. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Các đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
3. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được Ban kiểm soát thực hiện hàng năm dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 57. Khen thưởng

1. HĐQT thực hiện khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Công ty.
2. Đối tượng: các cá nhân do HĐQT quyết định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thường được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty hoặc/và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xử lý vi phạm dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại



đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ : Số 14 đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

Điện thoại : 064.3838324

Fax : 064.3833636

Email: capnuocvungtau@bwaco.com.vn Website: www.bwaco.com.vn

Số chứng nhận đăng ký KD: 3500101386 do Sở KH & ĐT tỉnh BR-VT cấp

Đăng ký lần đầu : Ngày 17/11/2007; Lần cuối : Ngày 30/10/2017

Số : 07/TB-CN

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2018

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi : Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức cụ thể như sau :

Thời gian : 8 giờ 00, ngày 07 tháng 4 năm 2018 (Thứ Bảy).

Địa điểm : Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, số 14 đường 30/4 - P.9 - TP. Vũng Tàu.

Nội dung họp : Biểu quyết thông qua các nội dung sau

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và giai đoạn 2013 ÷ 2018; Kế hoạch SXKD năm 2018 và định hướng phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018; Kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2013-2018; Kế hoạch hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023;
- Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017; Kế hoạch tài chính 2018;
- Báo cáo tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017; Đề xuất tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018;
- Lựa chọn tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ theo quy định mới của Nhà nước.
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Tờ trình về việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023

Tài liệu trình đại hội: Được đăng tải trên website <http://www.bwaco.com.vn>

Điều kiện tham dự :

- Tất cả Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách đến ngày chốt danh sách cổ đông **06/3/2018** do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

- Nếu Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác hoặc cho HĐQT-BKS theo mẫu Giấy ủy quyền, bỏ vào phong bì (*Công ty gửi kèm*) và gửi về **Công ty trước ngày 04/4/2017**.

Đăng ký tham dự Đại hội :

- Các cổ đông đến dự Đại hội vui lòng xuất trình CMND và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) để làm thủ tục.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận :

- Cổ đông Công ty;
- Lưu

ĐINH CHÍ ĐỨC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi : Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước
Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên cổ đông : Mã cổ đông :

Số CMND/ĐKKD : Cấp ngày : Tại :

Địa chỉ :

Ủy quyền cho :

Ông/Bà : Mã cổ đông (nếu có) :

Số CMND : Cấp ngày : Tại

Địa chỉ :

Hoặc ủy quyền cho : (Đánh dấu "X" để chọn 1 trong các ông/ bà có tên sau đây)

- | | |
|--|-------------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Đinh Chí Đức | Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Lương Điền | Phó Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Cảnh Tùng | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Tiến Lạng | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Bà Lê Minh Đức | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Võ Văn Bình | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Như Hà | Thành viên HĐQT |

Được quyền thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

GIẤY ỨNG CỬ
VÀO DANH SÁCH BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên tên là : Mã số cổ đông :
CMND số: Cấp ngày : Tại:
Địa chỉ thường trú :
Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện : cổ phần, tương ứng
với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6
tháng.

Tôi xin tự ứng cử vào danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ
2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần
Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng
quản trị và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật
và Điều lệ Công ty.

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu
là cổ đông pháp nhân)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

GIẤY ỨNG CỬ
VÀO DANH SÁCH BẦU BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên tên là : Mã số cổ đông :

CMND số: Cấp ngày : Tại:

Địa chỉ thường trú :

Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện : cổ phần, tương ứng
với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6
tháng.

Tôi xin tự ứng cử vào danh sách bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ
2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần
Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu :

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm
soát và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và
Điều lệ Công ty.

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu

là cổ đông pháp nhân)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

GIẤY ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN VÀO DANH SÁCH BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên tên là : Mã số cổ đông :

CMND số: Cấp ngày : Tại:

Địa chỉ thường trú :

Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện:..... cổ phần, tương ứng với%
tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

Tôi xin đề cử các Ông/Bà có tên sau đây vào danh sách bầu thành viên Hội đồng
quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu :

1. Ông/Bà :

CMND/CCCD số: Cấp ngày : Tại.....

Địa chỉ thường trú :

2. Ông/Bà :

CMND/CCCD số: Cấp ngày : Tại.....

Địa chỉ thường trú :

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ
nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu
là cổ đông pháp nhân)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

GIẤY ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN VÀO DANH SÁCH BẦU BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên tên là : Mã số cổ đông :

CMND số: Cấp ngày : Tại:

Địa chỉ thường trú :

Số cổ phần sở hữu hoặc/và đại diện:..... cổ phần, tương ứng với%
tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

Tôi xin đề cử các Ông/Bà có tên sau đây vào danh sách bầu thành viên Ban kiểm
soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu :

1. Ông/Bà :

CMND/CCCD số: Cấp ngày : Tại.....

Địa chỉ thường trú :

2. Ông/Bà :

CMND/CCCD số: Cấp ngày : Tại.....

Địa chỉ thường trú :

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ
nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

CÓ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu
là cổ đông pháp nhân)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

GIẤY ĐỀ CỬ

ỨNG VIÊN VÀO DANH SÁCH BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi : Ban tổ chức - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, hiện đang nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có tên trong danh sách dưới đây :

STT	Tên cổ đông	Mã số cổ đông	Người đại diện theo pháp luật	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký xác nhận
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG							

Chúng tôi thống nhất đề cử các Ông/Bà có tên sau đây vào danh sách **bầu thành viên Hội đồng quản trị** nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu :

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ
1					
2					

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIJA - VŨNG TÀU

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

GIẤY ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN VÀO DANH SÁCH BẦU BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi : Ban tổ chức - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, hiện đang nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có tên trong danh sách dưới đây :

STT	Tên cổ đông	Mã số cổ đông	Người đại diện theo pháp luật	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký xác nhận
1							
2							
...							
TỔNG CỘNG							

Chúng tôi thống nhất đề cử các Ông/Bà có tên sau đây vào danh sách **bầu thành viên Ban kiểm soát** nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu :

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ
1					
2					

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

....., ngày tháng năm 2018

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2018-2023)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh:
- Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quốc tịch: Dân tộc:
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên hệ :
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Số cổ phiếu nắm giữ (thời điểm 06/3/2018): cổ phiếu, chiếm% vốn điều lệ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của Công ty

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BR-VT

PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2023

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông :
- Số cổ phần sở hữu và đại diện :
- Tổng số quyền bầu :

2. Danh sách ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị :

- 1 Nguyễn Văn A
- 2 Nguyễn Văn B
- 3 Nguyễn Văn C
- 4 Nguyễn Văn D
- 5 Nguyễn Văn E
- 6 Nguyễn Văn F
- 7 Nguyễn Văn G
- 8 Nguyễn Văn H
- 9 Nguyễn Văn I

Hướng dẫn:

- Số thành viên HĐQT được bầu tối đa là 9 người.
- Cách thức: Chọn hết 9 ứng viên hoặc gạch tên những ứng viên không được chọn. Tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn.

Người dự họp ký tên:



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BR-VT**

**PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2018 - 2023**

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông :
- Số cổ phần sở hữu và đại diện :
- Tổng số quyền bầu :

2. Danh sách ứng viên bầu vào Ban Kiểm soát :

- 1 Nguyễn Văn A
- 2 Nguyễn Văn B
- 3 Nguyễn Văn C

Hướng dẫn:

- Số thành viên HĐQT được bầu tối đa là 3 người.
- Cách thức: Chọn hết 3 ứng viên hoặc gạch tên những ứng viên không được chọn. Tổng số quyền bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn.

Người dự họp ký tên: